TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - SƠN LA** Bản án số: 217/2026/HS - ST Ngày 07 - 9 - 2026	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nông Văn Thịnh.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lường Văn Bích,

2. Ông Lò Văn Thôn

- Thư ký phiên toà: Bà Lường Thị Hằng - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 3 - Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Sơn La tham gia phiên toà: Ông Sộng Nỏ Ly - Kiểm sát viên

Ngày 07 tháng 9 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 214/2026/TLST-HS ngày 05 tháng 8 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 245/2026/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 8 năm 2026 đối với bị cáo:

Cà Văn Đ; tên gọi khác: Không; sinh ngày 15/5/1977, tại xã C, tỉnh Sơn La; nơi cư trú: Bản Q (trước sáp nhập là bản Búa), xã C, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hoá: 02/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; chức vụ, Đảng, đoàn thể: Không; con ông Cà Văn Ô (đã chết) và bà Cà Thị K; Bị cáo có vợ là Cà Thị K1, đã ly hôn và có 01 con sinh năm 2007. Tiền sự: Không;

Tiền án: Có 02 tiền án: Tại bản án số 09/2015/HSST ngày 11/11/2015 của Toà án nhân dân huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La (nay là TAND khu vực 3 - Sơn La) xử phạt Cà Văn Đ 36 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma tuý; Tại bản án số 178/2018/HSST ngày 28/11/2018 của Toà án nhân dân thành phố Sơn La (nay là TAND khu vực 1- Sơn La) xử phạt Cà Văn Đ 09 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma tuý theo điểm g khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự (chưa được xoá án tích).

Nhân thân:

- Tại bản án số 01/2006/HSST ngày 10/10/2006 của TAND huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La (nay là TAND khu vực 3 - Sơn La), tuyên phạt Cà Văn Đ 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 tháng về tội Trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 138 BLHS năm 1999 (đã được xoá án tích).

- Tại bản án số 67/2008/HSST ngày 03/4/2008 của TAND huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La (nay là TAND khu vực 3 - Sơn La), tuyên phạt Cà Văn Đ 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 138 BLHS năm 1999, tổng hợp 12 tháng tù tại Bản án số 01/2006/HSST là 24 tháng tù giam (đã được xoá án tích).

- Tại Quyết định số 1131/QĐ-UBND ngày 18/8/2010 của UBND huyện S, tỉnh Sơn La,về việc đưa Cà Văn Đ vào chữa trị nghiện ma túy tại Trung tâm giáo dục lao động tỉnh S thời hạn 24 tháng (đã được xoá tiền sự).

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/3/2026 đến nay có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ ngày 31/3/2026, Cà Văn Đ đem theo số tiền 1.000.000 đồng (là tiền lao động tiết kiệm mà có) rồi một mình đi bộ từ nhà ở bản B, xã C ra bờ sông M thuộc bản Búa để tìm mua ma túy về sử dụng. Khi đến khu vực bãi bồi, Đ gặp một người đàn ông không rõ danh tính, qua nói chuyện Đ hỏi mua được 46 viên Hồng phiến đựng trong túi nilon màu xanh và một lượng Heroine gói bằng mảnh nilon màu xanh với số tiền 1.000.000 đồng từ người đàn ông này. Mua được ma túy, Đ đã trích ra một viên Hồng phiến và một lượng Heroine ra trộn với nhau để sử dụng bằng hình thức đốt, hít qua đường hô hấp. Sử dụng ma túy xong, Đ vứt mảnh giấy bạc và bật lửa xuống sông rồi gói số ma túy còn lại như ban đầu cho vào túi quần đi về. Về đến nhà, Đ ngủ đến khoảng 09 giờ cùng ngày thì thấy tổ công tác Công an xã C, tỉnh Sơn La đến kiểm tra, test thử ma túy. Khi đến nơi, tổ công tác phát hiện Đ có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, vật chứng thu giữ 01 túi nilon màu xanh chứa 45 viên nén màu hồng; 01 gói nilon màu xanh chứa chất bột liên kết màu trắng (Đ khai nhận là Hồng phiến và H). Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ và niêm phong vật chứng.

Cùng ngày, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh S tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Cà Văn Đ, kết quả: Không thu giữ gì thêm.

Ngày 31/3/2026 tại tổ địa bàn xã S, Hội đồng bóc mở niêm phong đã tiến hành cân tịnh xác định khối lượng vật chứng và trích mẫu giám định, kết quả: 45

viên nén màu hồng có khối lượng là 4,67 gam đã sử dụng toàn bộ làm mẫu gửi giám định ký hiệu Đ1; Số bột liên kết màu trắng có khối lượng là 2,67 gam đã sử dụng toàn bộ làm mẫu gửi giám định ký hiệu Đ2;

Kết luận giám định số 638/KL-KTHS ngày 07/4/2026 của Phòng K2 Công an tỉnh S kết luận:

+ Mẫu giám định ký hiệu Đ1 là ma túy; loại Methamphetamine; Khối lượng của mẫu gửi giám định là 4,67 gam.

+ Mẫu giám định ký hiệu Đ2 là ma tuý, loại Heroine (H), có tên khoa học là D, được quy định tại Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017 và 2025) và Nghị định số 28/2026/NĐ-CP ngày 19/01/2026 của Chính phủ quy định các danh mục chất ma tuý và tiền chất; khối lượng của mẫu gửi giám định là 2,67 gam.

H1 lại mẫu giám định là các viên nén màu hồng và chất bột liên kết màu trắng, gồm Đ1=4,60 gam; Đ2=2,61 gam và vỏ phong bì.

Tại Cáo trạng số 152/CT-VKSSLA-KV ngày 05 tháng 8 năm 2026 Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Sơn La đã truy tố Cà Văn Đ về tội Tàng trữ trái phép chất ma tuý theo điểm n, o khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Cà Văn Đ phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma tuý. Căn cứ điểm n, o khoản 2 Điều 249; Điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Cà Văn Đ từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau khi trừ đi mẫu gửi giám định, vật chứng không còn giá trị sử dụng, là vật cấm lưu hành.

Về án phí: Bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo cho bị cáo.

Tại phiên tòa bị cáo nhất trí với nội dung bản cáo trạng và quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát; thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và khi được nói lời sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và xin được miễn án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của cơ quan, người tiến hành tố tụng: Cơ quan Cảnh sát điều tra công an tỉnh S, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực

3, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do vậy các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội, bị cáo không có thay đổi, bổ sung gì về lời khai trong quá trình điều tra, phù hợp với toàn bộ các chứng cứ trong hồ sơ vụ án như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang do Tổ công tác Công an xã C lập vào hồi 09 giờ 00 phút, ngày 31/3/2026 đối với Cà Văn Đ cùng vật chứng bị thu giữ. Kết luận giám định số 638/KL-KTHS ngày 07/4/2026 của Phòng K2 Công an tỉnh S. Lời khai nhận của bị cáo trong quá trình điều tra. Bị cáo khẳng định việc khai báo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa là hoàn toàn tự nguyện và đúng với sự việc đã thực hiện.

Như vậy có đủ cơ sở kết luận: Ngày 31/3/2026 bị cáo Cà Văn Đ đã có hành vi tàng trữ 4,67 gam Methamphetamine và 2,67 gam Heroine mục đích để sử dụng thì bị phát hiện bắt giữ. Hành vi của bị cáo đã phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm n, o khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng số: 152/CT-VKSSLA-KV ngày 05 tháng 8 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 truy tố Cà Văn Đ theo tội danh và điều khoản nêu trên của Bộ luật hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] *Xét về tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo:* Bị cáo là người có năng lực chịu trách nhiệm về hình sự, biết rõ chất ma túy là chất Nhà nước nghiêm cấm lưu hành, nhưng bị cáo vẫn cố ý tàng trữ ma túy với mục đích để sử dụng. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm vào chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về ma túy, gây mất trật tự trị an xã hội, tiếp tay cho các đối tượng hám lời có cơ hội lưu thông buôn bán ma túy.

[4] *Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên bị cáo có nhân thân rất xấu, đã nhiều lần bị Toà án xét xử về hành vi phạm tội về ma tuý.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội, bị cáo thành khẩn khai báo, tại phiên tòa tỏ ra ăn năn hối cải nên cần áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự phần nào đối với bị cáo.

[5] *Về hình phạt đối với bị cáo:* Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo có nhân thân rất xấu, nhiều lần bị Toà án xét xử và đã bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính nhưng bị cáo không chịu tu dưỡng, rèn luyện bản thân, tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, nên cần áp dụng hình phạt nghiêm, tù có thời hạn, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống

xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục bị cáo, đồng thời nhằm mục đích răn đe và phòng ngừa chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: Quá trình điều tra xác minh xét thấy bị cáo không có tài sản riêng, không có thu nhập ổn định và là đối tượng sử dụng ma tuý nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về vật chứng vụ án:

Đối với 01 phong bì niêm phong ghi vật chứng vụ án Cà Văn Đ, gồm: 01 túi nilon màu xanh; 01 phong bì niêm phong ghi: H1 lại mẫu giám định vụ Cà Văn Đ. Mẫu Đ1=4,60 gam nghi là Methamphetamine và Đ2=2,61 gam nghi là Heroine là những vật cấm lưu hành, không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[8] Về các vấn đề khác có liên quan trong vụ án:

Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của bị cáo: căn cứ vào kết quả xác minh xác định bị cáo Cà Văn Đ không thuộc các trường hợp quy định tại Điều 256a Bộ luật hình sự nên không có căn cứ để xử lý về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Về nguồn gốc ma túy: Bị cáo khai số ma túy thu giữ trong vụ án do bị cáo mua của một người đàn ông tại khu vực bãi bồi giữa dòng S thuộc xã C, tỉnh Sơn La bị cáo khai không biết họ tên, địa chỉ cụ thể nên không có căn cứ để mở rộng điều tra vụ án.

[8] Về án phí: Bị cáo là người đồng bào dân tộc thiểu số sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đề nghị được miễn án phí. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm n, o khoản 2 Điều 249; Điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự tuyên bố bị cáo Cà Văn Đ phạm tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy. Xử phạt bị cáo Cà Văn Đ 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 31/03/2026.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về vật chứng vụ án: Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì thư niêm phong do bưu điện V phát hành. Mặt trước phong bì ghi: "Vật chứng lưu kho vụ: Cà Văn Đ, sinh năm 1977, trú tại: bản B, xã C, tỉnh Sơn La. Hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy. Gồm: 01 túi nilon màu xanh". Mặt sau phong bì, trên giấy niêm phong có mã số: 0021508; 01 phong bì niêm phong ghi: "Hoàn lại mẫu giám định vụ Cà Văn Đ - Tàng trữ TPCMT, bắt ngày 31/3/2026. Mẫu Đ1=4,60 gam nghi là Methamphetamine và Đ2=2,61 gam nghi là Heroine". Mặt sau phong bì, trên giấy niêm phong có mã số: 0003762.

Hiện đang lưu giữ tại Kho vật chứng thuộc Phân trại tạm giam Sông Mã, PC11, Công an tỉnh S.

Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 07/9/2026).

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- VKSND khu vực 3 - Sơn La;
- Công an tỉnh Sơn La;
- Trại tạm giam;
- Cơ quan THAHS CA tỉnh Sơn La;
- CQTHA Dân sự tỉnh;
- Phòng THADS khu vực 3 - Sơn La;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nông Văn Thịnh